

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2946/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2022

QUẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 6721/TTr-SGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Tờ trình số 7763/TTr-SGTVT ngày 01 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 31 quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	TÊN QUY TRÌNH TTHC	GHI CHÚ
Lĩnh vực xây dựng		
1.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A có cấu phần xây dựng của người quyết định đầu tư	
2.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A có cấu phần xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng	
3.	Thẩm định, Quyết định đầu tư dự án nhóm B có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố	
4.	Thẩm định dự án nhóm B có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố	
5.	Thẩm định, Quyết định đầu tư dự án nhóm C có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố	
6.	Thẩm định dự án nhóm C có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố	
7.	Thẩm định, Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án nhóm B, C có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố	

8.	Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với Công trình Cấp I, Cấp đặc biệt	
9.	Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với Công trình Cấp II, Cấp III	
10.	Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với Công trình có cấp nhỏ hơn Cấp III	
Lĩnh vực xây dựng		
11.	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện nước ngoài	
12.	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện nước ngoài	
13.	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện nước ngoài	
14.	Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động sửa chữa, cải tạo nâng cấp và hoạt động khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	
15.	Công bố hạn chế giao thông trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	
16.	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	
17.	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	
18.	Cấp giấy phép vào cảng thủy nội địa đối với phương tiện vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia	
19.	Cấp giấy phép rời cảng thủy nội địa đối với phương tiện vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia	
20.	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam	
21.	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam	
22.	Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	

23.	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	
24.	Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét vùng nước đường thủy nội địa	
Lĩnh vực hàng hải		
25.	Tàu biển nhập cảnh	
26.	Tàu biển xuất cảnh	
27.	Thủ tục tàu biển quá cảnh	
28.	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa vào cảng thủy nội địa và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng thủy nội địa khác của Việt Nam	
29.	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng hóa quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng và tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng thủy nội địa khác của Việt Nam	
30.	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng thủy nội địa và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng thủy nội địa khác của Việt Nam	
31.	Tàu biển hoạt động tuyến đường thủy nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng thủy nội địa và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng thủy nội địa khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	

QUY TRÌNH 1**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A có cấu phần xây dựng của người quyết định đầu tư**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	1	Bản chính
2	Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo, cụ thể:		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
2.1	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác)	1	Bản sao chứng thực
2.2	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu)	1	Bản sao chứng thực
2.3	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	1	Bản sao chứng thực
2.4	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1	Bản sao chứng thực

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
2.5	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
2.6	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng liên quan và Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
2.7	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;	01	Bản chính
2.8	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra	01	Bản sao chứng thực
2.9	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)	01	Bản chính
<p>Để thuận lợi trong quá trình thẩm định, các chủ đầu tư số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế;</p> <p>Tập tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng</p>			

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I
B2	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn thụ lý
B3	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
B4	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết	Chuyên viên Phòng chuyên	33 ngày làm việc (đối với	Theo mục I	Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	quả giải quyết TTHC	ngành	<i>hồ sơ đủ điều kiện)</i> 3 ngày làm việc <i>(đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện)</i>	BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 – Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B5-B8 – Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
B4.1	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.75 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
B4.2	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
B4.3	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<p><i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i></p>					
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	3 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo kết quả	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				giải quyết TTHC	
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	3 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, đóng dấu - Phát hành văn bản
B8	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
5	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
6	BM 06	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (dự thảo) quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

V. Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
5	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
6	BM 06	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (dự thảo) quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
7	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
8	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

BM 04

(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:...

BM 06

(Theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt dự án (tên dự án....)*****(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt dự án (tên dự án....) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo kinh tế-kỹ thuật) đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);
11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án;
12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng;
13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);
14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có);
15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

***Ghi chú:** Mẫu số 03 áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.

QUY TRÌNH 2**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A có cấu phần xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng***(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)***I. Thành phần hồ sơ**

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	1	Bản chính
	Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo, cụ thể:		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác)	1	Bản sao chứng thực
	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu)	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1	Bản sao chứng thực
	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng	1	Bản sao chứng thực

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)		
	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;	01	Bản chính
	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra	01	Bản sao chứng thực
	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)	01	Bản chính
	Để thuận lợi trong quá trình thẩm định, các chủ đầu tư số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế; Tập tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng	01	File mềm hoặc địa chỉ share dữ liệu đám mây (Cloud data)

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn thụ lý
	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết quả giải	Chuyên viên Phòng chuyên	30 ngày làm việc (đối với hồ sơ đủ)	Theo mục I BM 01	Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	quyết TTHC	ngành	điều kiện 3 ngày làm việc (đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện)	Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 – Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B5-B8 – Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.75 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<p><i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i></p>					
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	2 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				quyết TTHC	
	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	2 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	– Cho số, đóng dấu – Phát hành văn bản
	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	– Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân – Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

V. Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

BM 04:*(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:...

QUY TRÌNH 3**Thẩm định, Quyết định đầu tư dự án nhóm B có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	1	Bản chính
	Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo, cụ thể:		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác)	1	Bản sao chứng thực
	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu)	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1	Bản sao chứng thực
	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ	1	Bản sao chứng thực

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)		
	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng liên quan và Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;	01	Bản chính
	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra	01	Bản sao chứng thực
	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)	01	Bản chính
	<p>Để thuận lợi trong số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế;</p> <p>Tập tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng</p>		File mềm hoặc địa chỉ share dữ liệu đám mây (Cloud data)

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa – Sở Giao thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> – Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. – Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. – Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. – Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn thụ lý
	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết	Chuyên viên Phòng chuyên	21 ngày làm việc (đối với	Theo Mục I BM 01	Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ: – Trường hợp hồ sơ không

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	quả giải quyết TTHC	ngành	<i>hồ sơ đủ điều kiện)</i> 3 ngày làm việc (<i>đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện)</i>	Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	đủ điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 – Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B5-B8 – Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.75 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<p><i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i></p>					
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	1.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				giải quyết TTHC	
	Ký duyệt/Kiểm duyệt, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	6.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 BM05 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở phụ trách chuyên môn xây dựng xem xét ký duyệt hồ sơ trình Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện trình Giám đốc Sở phê duyệt, thực hiện tiếp B7-B8; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình Giám đốc Sở phê duyệt, thực hiện tiếp B8-B9; Giám đốc Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 06	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (dự thảo) quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

V. Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 06	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (dự thảo) quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

BM 04:*(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:...

BM 06:*(Theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt dự án (tên dự án....)*****(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt dự án (tên dự án....) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo kinh tế-kỹ thuật) đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);
11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án;
12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng;
13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);
14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có);
15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:....

***Ghi chú:** Mẫu số 03 áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.

QUY TRÌNH 4**Thẩm định dự án nhóm B có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	1	Bản chính
	Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo, cụ thể:		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác)	1	Bản sao chứng thực
	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu)	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1	Bản sao chứng thực
	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng	1	Bản sao chứng thực

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)		
	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng liên quan và Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;	01	Bản chính
	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra	01	Bản sao chứng thực
	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)	01	Bản chính
	<p>Đề thuận lợi trong quá trình thẩm định, chủ đầu tư số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế;</p> <p>Tập tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng (<i>Quy định tại Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP</i>))</p>		File mềm hoặc địa chỉ share dữ liệu đám mây (Cloud data)

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn thụ lý
	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết	Chuyên viên Phòng chuyên	21 ngày làm việc (đối với	Theo Mục I BM 01	Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	quả giải quyết TTHC	ngành	<i>hồ sơ đủ điều kiện)</i> 3 ngày làm việc (<i>đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện)</i>	Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	đủ điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 – Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B5-B8 – Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.75 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<p><i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i></p>					
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	1.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				giải quyết TTHC	
	Ký duyệt/Kiểm duyệt	Lãnh đạo Sở	1.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, đóng dấu - Phát hành văn bản
	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

V. Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Các quy định khác có liên quan.

BM 04:*(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (*xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP*)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

- Lưu:...

QUY TRÌNH 5**Thẩm định, Quyết định đầu tư dự án nhóm C có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	1	Bản chính
	Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo, cụ thể:		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác)	1	Bản sao chứng thực
	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu)	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1	Bản sao chứng thực
	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng	1	Bản sao chứng thực

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)		
	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng liên quan và Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;	01	Bản chính
	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra	01	Bản sao chứng thực
	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)	01	Bản chính
	<p>Đề thuận lợi trong quá trình thẩm định, chủ đầu tư số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế;</p> <p>Tập tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng (Quy định tại Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)</p>		File mềm hoặc địa chỉ share dữ liệu đám mây (Cloud data)

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn thụ lý
	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết	Chuyên viên Phòng chuyên	12 ngày làm việc (đối với	Theo Mục I BM 01	Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	quả giải quyết TTHC	ngành	<i>hồ sơ đủ điều kiện)</i> 3 ngày làm việc (<i>đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện)</i>	Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	đủ điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 – Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B5-B8 – Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.75 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i>					
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	1.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				giải quyết TTHC	
	Ký duyệt/Kiểm duyệt	Lãnh đạo Sở phụ trách chuyên môn xây dựng	1.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở phụ trách chuyên môn xây dựng xem xét ký duyệt hồ sơ trình – Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện trình Giám đốc Sở phê duyệt, thực hiện tiếp B7-B8-B9; – Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình Giám đốc Sở phê duyệt, thực hiện tiếp B8-B9;
	Phê duyệt	Giám đốc Sở	5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 BM 05 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Giám đốc Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	– Cho số, đóng dấu – Phát hành văn bản
	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	– Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân – Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 06	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (dự thảo) quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

V. Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 06	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (dự thảo) quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Các quy định khác có liên quan.

BM 04:*(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

- Lưu:...

BM 06:*(Theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt dự án (tên dự án....)*****(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt dự án (tên dự án....) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo kinh tế-kỹ thuật) đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);
11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án;
12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng;
13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);
14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có);
15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:....

***Ghi chú:** Mẫu số 03 áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.

QUY TRÌNH 06**Thẩm định dự án nhóm C có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc
Ngân sách Thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	1	Bản chính
	Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo, cụ thể:		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác)	1	Bản sao chứng thực
	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu)	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	1	Bản sao chứng thực
	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1	Bản sao chứng thực
	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ	1	Bản sao chứng thực

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)		
	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng liên quan và Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;	01	Bản chính
	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra	01	Bản sao chứng thực
	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)	01	Bản chính
	<p>Đề thuận lợi trong quá trình thẩm định, các chủ đầu tư số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế;</p> <p>Tập tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng (<i>Quy định tại Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP</i>))</p>	01	File mềm hoặc địa chỉ share dữ liệu đám mây (Cloud data)

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn thụ lý
	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết	Chuyên viên Phòng chuyên	12 ngày làm việc (đối với	Theo Mục I BM 01	Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	quả giải quyết TTHC	ngành	<i>hồ sơ đủ điều kiện</i> 3 ngày làm việc <i>(đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện)</i>	Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 – Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B5-B8 – Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.75 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<p><i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i></p>					
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	1.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				giải quyết TTHC	
	Ký duyệt/Kiểm duyệt	Lãnh đạo Sở	1.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, đóng dấu - Phát hành văn bản
	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

V. Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

	BM 04	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Các quy định khác có liên quan.

BM04:*(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (*xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP*)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:...

QUY TRÌNH 7

Thẩm định, Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án nhóm B, C có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Theo Mẫu số 01, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT	1	Bản chính
2	Văn bản pháp lý - Quy định tại Mẫu số 01, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
2.1	Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1	Bản sao chứng thực
2.2	Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
2.3	Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án	1	Bản sao chứng thực
2.4	Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	1	Bản sao chứng thực
2.5	Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư	1	Bản sao chứng thực
2.6	Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
<p>Để thuận lợi trong quá trình thẩm định, các chủ đầu tư số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế;</p> <p>Tập tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng (Quy định tại Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)</p>			File mềm hoặc địa chỉ share dữ liệu đám mây (Cloud data)

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao	25 ngày làm việc kể từ ngày	Theo Thông tư số

thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính
--	----------------------	---

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn thụ lý
	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng chuyên ngành	19 ngày làm việc (đối với hồ sơ đủ điều kiện) 3 ngày làm việc (đối với hồ sơ)	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung Dự thảo kết quả giải	<p>Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
			<i>chưa đủ điều kiện</i>)	quyết TTHC	từ B5-B8 – Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.75 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i>					
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	2 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Phê duyệt	Giám đốc Sở	3 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 BM 05 Dự thảo kết quả	Giám đốc Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				giải quyết TTHC	
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	– Cho số, đóng dấu – Phát hành văn bản
	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	– Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân – Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 04	Tờ trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Theo Mẫu số 01, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định KH LCNT - Theo Mẫu số 02, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT
	BM 06	Quyết định phê duyệt KH LCNT - Theo Mẫu số 03, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT

V. Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 04	Tờ trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Theo Mẫu số 01, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT
	BM 05	Thông báo kết quả thẩm định KH LCNT - Theo Mẫu số 02, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT
	BM 06	Quyết định phê duyệt KH LCNT - Theo Mẫu số 03, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT

	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Các quy định khác có liên quan.

BM04:

(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015)

[TÊN CƠ QUAN
CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án: _____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];

Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ _____ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;
- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);
- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;
- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;
- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phần công việc đã thực hiện

2								
....								
Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]								

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: ___ [giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Loại hợp đồng;

g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
n		
Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	

3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		<i>[ghi tổng mức đầu tư của dự án]</i>

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[ghi tên chủ đầu tư]* đề nghị ___ *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: ___ *[ghi tên dự án]*.

Kính trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, quyết định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

BM05:

(Theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015)

[CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
[TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH] Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____ ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

về kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: _____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [ghi tên người có thẩm quyền]

- Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];
- Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của dự án mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ _____ [văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định];
- Trên cơ sở tờ trình của _____ [ghi tên tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án _____ [ghi tên dự án] từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt] đến ngày ____ tháng ____ năm ____ [ghi ngày có báo cáo thẩm định] và báo cáo về kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN**1. Khái quát về dự án:**

Phần này nêu khái quát về nội dung chính của dự án như sau:

- a) Tên dự án;
- b) Tổng mức đầu tư;
- c) Nguồn vốn;
- d) Tên chủ đầu tư;
- đ) Thời gian thực hiện dự án;
- e) Địa điểm, quy mô dự án;
- g) Các thông tin khác (nếu có).

2. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định tóm tắt các nội dung theo tờ trình của chủ đầu tư, cụ thể như sau:

- a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: ___ [ghi giá trị];
- b) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ___ [ghi giá trị];
- đ) Tổng giá trị các phần công việc: ___ [bằng tổng các giá trị tại điểm a, b, c và d Mục này];
- e) Tổng mức đầu tư của dự án: ___ [ghi giá trị].

3. Tổ chức thẩm định:

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của tổ chức thẩm định là theo nhóm hoặc độc lập trong quá trình thẩm định và cách thức thẩm định khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
1	Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
2	Văn bản phê duyệt nguồn vốn cho dự án		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	Các văn bản pháp lý liên quan		

Ghi chú:

- Cột (1) ghi rõ tên, số, ngày ký, phê duyệt văn bản.
- Cột (2) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ chức thẩm định nhận được.
- Cột (3) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

- b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: ___ [căn cứ các tài liệu chủ đầu tư trình và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 1**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có)].

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến nhận xét về việc phân chia dự án thành các gói thầu căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính đồng bộ của dự án và quy mô gói thầu hợp lý.

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: ___[tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về sự phù hợp giữa phần công việc đã thực hiện với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt trước đây];

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___[tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến (nếu có) đối với phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu];

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ___[tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến (nếu có) đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu];

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định (1)	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp (2)	Không tuân thủ hoặc không phù hợp (3)
1	Tên gói thầu		
2	Giá gói thầu		
3	Nguồn vốn		
4	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu		
5	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu		
6	Loại hợp đồng		
7	Thời gian thực hiện hợp đồng		

Ghi chú:

- *Cột số (2):* đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của tổ chức thẩm định là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với yêu cầu của dự án.

- *Cột số (3): đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của tổ chức thẩm định là không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với yêu cầu của dự án. Đối với trường hợp này phải nêu rõ lý do không tuân thủ hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật liên quan hoặc không phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu.*

- *Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ___ [căn cứ tài liệu do tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 2**, tổ chức thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, yêu cầu của dự án và những lưu ý cần thiết khác (nếu có).*

Đối với nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sẽ được thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu. Những nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp cần được nêu cụ thể].

c) *Ý kiến thẩm định về tổng giá trị của các phần công việc: ___ [tổng giá trị của phần công việc đã thực hiện, phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) có bằng tổng mức đầu tư hay không và nêu những nội dung cần chỉnh sửa cho phù hợp].*

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định đưa ra nhận xét chung về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc trong từng trường hợp cụ thể (nếu cần thiết), tổ chức thẩm định có

ý kiến đối với việc người có thẩm quyền giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu của các gói thầu thuộc dự án theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Kiến nghị

a) Trường hợp nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì tổ chức thẩm định đề nghị người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của ___[ghi tên chủ đầu tư] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, ___[ghi tên tổ chức thẩm định] đề nghị ___[ghi tên người có thẩm quyền]:

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ___[ghi tên dự án].
- Cử cá nhân hoặc đơn vị có chức năng quản lý về hoạt động đấu thầu tham gia giám sát, theo dõi việc thực hiện đối với gói thầu: ___[ghi tên gói thầu] trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu[1].

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư thì cần đề xuất biện pháp giải quyết tại điểm này để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ đầu tư;
- Lưu VT.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

BM06:

(Theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015)

**[GHI TÊN CƠ QUAN
CỦA NGƯỜI CÓ THẨM
QUYỀN]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án: _____ [ghi tên dự án]

_____ [GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013];

Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày _____ [ghi ngày, tháng, năm] của _____ [ghi tên tổ chức thẩm định] về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án _____ [ghi tên dự án];

Theo đề nghị của _____ [ghi tên chủ đầu tư] tại văn bản tờ trình số _____ [ghi số hiệu tờ trình] ngày _____ [ghi ngày văn bản] về việc trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án _____ [ghi tên dự án],

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: _____ [ghi tên dự án] với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm[2].

Điều 2. [Ghi tên chủ đầu tư] chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

[Ghi tên tổ chức, cá nhân giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu] chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm theo Quyết định này[3].

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. [ghi tên người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

[GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**DỰ ÁN:** _____ [ghi tên dự án]

(kèm theo Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tổ chức, cá nhân giám sát ^[4]
1									
2									
3									
...									
n									
Tổng giá trị các gói thầu									

[1] Trường hợp tổ chức thẩm định không có đề nghị nội dung giám sát, theo dõi thì xóa bỏ nội dung này.

[2] Phụ lục phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu chỉ có 01 gói thầu thì có thể ghi trực tiếp gói thầu bao gồm các nội dung tại Phụ lục đính kèm Mẫu này trong Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

[3] Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu không có nội dung giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu thì xóa bỏ nội dung này.

[4] Ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu. Trường hợp không áp dụng thì xóa bỏ cột này.

QUY TRÌNH 08**Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với Công trình Cấp I, Cấp đặc biệt**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	1	Bản chính
2	Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định		Đóng thành 01 bộ hồ sơ
2.1	Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu) và các văn bản khác có liên quan	1	Bản sao chứng thực
2.2	Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định	1	Bản sao chứng thực
2.3	Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)	1	Bản sao chứng thực
2.4	Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự	1	Bản sao chứng thực

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)		
<p>Để thuận lợi trong quá trình thẩm định, các chủ đầu tư số hóa các tài liệu trình thẩm định dưới định dạng tập tin (file) PDF và cung cấp đầy đủ các tập tin (file) mềm thiết kế;</p> <p>Tập tin (BIM) Ứng dụng mô hình thông tin công trình và các giải pháp công nghệ số (nếu Người quyết định đầu tư quyết định việc áp dụng</p>			File mềm hoặc địa chỉ share dữ liệu đám mây (Cloud data)

II. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa 0 Sở Giao thông Vận tải (địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1, TPHCM)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC, Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Trình tự xử lý

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	0.25 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn thụ lý
	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.25 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01	Lãnh đạo phân tiếp nhận hồ sơ và phân công chuyên viên thụ lý
	Kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng chuyên ngành	33 ngày làm việc (đối với hồ sơ đủ điều kiện)	Theo Mục I BM 01	Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B4.1-B4.3 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B5-B8 - Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét
			3 ngày làm việc (đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện)	Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung kết quả giải quyết TTHC	
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	0.75 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				bổ sung	
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.25 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Cho số, đóng dấu Phát hành văn bản
<p><i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu</i></p>					
	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên ngành	3 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng xem xét và ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Sở
	Ký duyệt/Kiểm duyệt	Lãnh đạo Sở	3 ngày làm việc	Theo Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ trình
	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0.5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	– Cho số, đóng dấu – Phát hành văn bản
	Trả kết quả, theo dõi, lưu hồ sơ	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	– Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân – Lưu hồ sơ, theo dõi

IV. Biểu mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 05	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 06	Thông báo kết quả thẩm định- Theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

V.Hồ sơ cần lưu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	BM 05	Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	BM 06	Thông báo kết quả thẩm định KH LCNT - Theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
	//	Thành phần hồ sơ theo phụ lục I
	//	Các thành phần hồ sơ khác theo quy định hiện hành

VI. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Các quy định khác có liên quan.

BM04:*(Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)***TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

- Lưu:...

(Xem tiếp Công báo số 134 + 135)